TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ -TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Đức Hiếu

2.Ông Nguyễn Tấn Thức

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tú Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Kim K, sinh năm: 1982; có mặt.
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1986 ; vắng mặt

Cùng địa chỉ: tổ 38B, phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng9 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị Kim K trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ đến năm 2008 nhà cha mẹ chồng bị giải tỏa nên vợ chồng thuê nhà ở riêng đến năm 2009 thì làm nhà riêng tại phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, tiền bạc thì của ai người đó quản lý, mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Ông Đ làm nghề lái xe đường dài nên thường xuyên vắng nhà. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không chung sống được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 2007 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 21/4/ 2011. Ly hôn bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Khánh N, ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Văn L, không ai cấp

dưỡng cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn Đ đến Tòa án để hòa giải nhưng ông Đ không có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng : Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim K và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, tiền bạc của ai thì người đó quản lý, mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Ông Đ làm nghề lái xe đường dài nên thường xuyên vắng nhà. Nay bà K nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không chung sống được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ. Còn ông Đ Tòa án đã triệu lần triệu tập nhưng ông Đ không đến nên không có bản khai.

Xét hôn nhân giữa bà K và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đ đến Tòa án để hòa giải nhưng ông Đ không đến, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt, điều này thể hiện ông Đ không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, cho bà K được ly hôn với ông Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung : Bà K và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 21/4/ 2011 và Nguyễn Văn L, sinh năm 2007. Ly hôn bà K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Khánh N, Giao con Nguyễn Văn L, sinh năm 2007 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Xét cháu Nguyễn Khánh N là con gái, còn nhỏ nên cần có sự thương yêu, chăm sóc chu đáo của người mẹ, còn cháu Nguyễn Văn L là con trai và cháu có nguyện vọng được ở với cha. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của bà K, giao con Nguyễn Khánh N cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Văn L cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà K yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà K rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ theo đúng quy định tại các điều 203, 205, 208 đến 211, 220, 233 của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-V ề quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của bà Võ Thị Kim K đối với ông Nguyễn Văn Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Kim K được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

+ Về con chung: Giao con Nguyễn Khánh N, sinh ngày 21/4/ 2011cho bà Võ Thị Kim K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Văn L, sinh năm 2007 cho ông Nguyễn Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

+ Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

+ Về án phí: Bà K phải chịu theo quy định

[5] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Võ Thị Kim K phải chịu là 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0000016 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim K 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung (đã nộp tại biên lai thu số 0000017 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 56, 62, 81,82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 227, 217, 218 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Kim K được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

2.Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Khánh N, sinh ngày 21/4/ 2011cho bà Võ Thị Kim K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Văn L, sinh năm 2007 cho ông Nguyễn Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Hai bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Võ Thị Kim K phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0000016 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Bà K đã nộp đủ án phí.

5. Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim K 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung(đã nộp tại biên lai thu số 0000017 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

6. Bà Võ Thị Kim K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Đương sự*;*
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

5. Trường hợp bản án, quết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Chị Hằng chú ý tính tiền định giá nhé)

1. Nhà và đất số 142 Hà Huy Giáp, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín là 7.480.000đ (bà Đan tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000 đồng (bà Đan tự nguyện chịu)

2. Toàn bộ vật kiến trúc ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 75m^2 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 53,3m; cùng địa chỉ: K36/18 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Duyên).

Tiền định giá theo giá nhà nước và xem xét là 3.000.000đ (bà Đan nộp có biên lai của Tòa)

3. Công trình xây dựng trên thửa đất (Giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 123, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 101,4m^2; địa chỉ: H68/5 K634 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của bà Đan).

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value là 4.00.000đ (ông Duyên tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000đ (ông Duyên nộp có biên lai của Tòa)

Ly hôn ông Duyên có ý kiến sau: Năm 2006, bà Nguyễn Thị Vân đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông với giá là 300.000.000đồng, vợ chồng ông trả dần cho đến tháng 5/2017 mới trả xong hai bên làm thủ tục sang tên trước bạ và được UBND quận Cẩm Lệ cấp giấy CNQSDĐ ngày 31/5/2007.

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 142 Hà Huy Giáp, thành phố Đà Nẵng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 123005 do UBND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp đứng tên ông Nguyễn Văn Duyên và bà Nguyễn Thị Đan (đã được chỉnh lý ngày 13/8/2007). Tuy nhiên, xét thấy công sức đóng góp của ông Duyên vào khối tài sản trên nhiều hơn bà Đan. Điều này được thể hiện ở chỗ: Ông Duyên và bà Đan kết hôn vào ngày 05/9/2005, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng của ông Duyên tại đường Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sau khi kết hôn được 01 tháng, lúc này bà Đan đang mang thai, sức khỏe yếu, phải nằm dưỡng thai tại bệnh viện cho đến khi sinh con. Sau khi bà Đan sinh con được 06 tháng, vợ chồng mâu thuẫn bà Đan đem con là cháu Giang về sống nhà riêng của bà Đan tại đường Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian này, về kinh tế phần ai tự người đó lo. Trong thời gian này, ông Duyên bán quán cháo lòng tại nhà riêng. Tháng 9/2009, bà Đan bị bệnh ung thư vú nên phải đi điều trị tại bệnh viện K Hà Nội đến tháng 10/2010 bà Đan về lại nhà riêng của ông Duyên sống, đến tháng 02/2011 thì xây dựng ngôi nhà tại đường Hà Huy Giáp.

Do công sức đóng góp của ông Duyên nhiều hơn nên HĐXX chia cho ông Thanh 60% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: 2.253.357.000đồng x 60% = 1.352.014.200đ chia cho bà Đan 40% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: 2.253.357.000đồng x 40% = 901.342.800đ.